

Số: 1023/BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 27 tháng 9 năm 2023 đến ngày 03 tháng 10 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, có mưa rào và dông vài nơi; riêng chiều và tối có mưa rào và rải rác có dông, cục bộ có mưa vừa, mưa to. Gió tây nam cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 23°C - 26°C, nhiệt độ cao nhất từ 28°C - 31°C, có nơi trên 31°C.

Dự báo tuần tới: Chiều và đêm có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to. Nhiệt độ trung bình từ: 27,5°C - 28,5°C. Giá trị tổng lượng mưa 70 - 110 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ Đông xuân 2023 - 2024		Vụ Mùa 2023	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Mạ	38	Mạ	1.031,0
Đẻ nhánh	-	Đẻ nhánh	669,0
Làm đồng	-	Làm đồng	1.521,0
Trổ	-	Trổ	606,0
Chín	-	Chín	128,0
Thu hoạch	-	Thu hoạch	-
Tổng	38,0	Tổng	3.955,4

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024			2. Hoa, cây kiểng		
- RALNN	Nhiều giai đoạn	40,5	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	335
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	6,1	3. Cây lương thực		
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	10,9	Bắp	-	-
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	7,9	Khoai mì	-	-
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	53,3	4. Cây công nghiệp		
- RMN	Nhiều giai đoạn	61,7			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn							
			26/9	27/9	28/9	29/9	30/9	01/10	02/10	03/10
1	Củ Chi	Thái Mỹ	51	48	154	101	128	114	64	-
		Trung Lập Thượng	48	44	39	42	52	46	-	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Mùa 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	CC, HM
2	Bọ xít hôi	3-5			1-3	CC
3	Bọ trĩ	3-5			1-5	HM
4	Sâu phao	1-5			1-5	CC
5	Đạo ôn	3-10%			1-3	CC, HM
6	Đốm vằn	3-5%			1-3	CC
7	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC, HM, BC
8	Chuột	3			Các giai đoạn	CC, BT

b) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ, HM, Q12
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM
5	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	HM, Q12
6	Rầy xanh	3-7			1-5	HM
7	Rầy xám	100->500			1-5	HM, Q12
8	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
9	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
10	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	HM, Q12
11	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	BC
12	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ, HM, Q12
13	Đốm lá	2-5			1-3	HM, Q12
14	Phân vàng	5-7			1-3	HM
15	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Mùa 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 618,6 ha, tăng 39,2 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi, Hóc Môn. Các sinh vật hại trên

lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Sâu cuốn lá, bọ xít hôi, sâu phao, ốc bươu vàng, chuột và bệnh đạo ôn, đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: Diện tích nhiễm 77,4 ha, tăng 0,2 ha so với tuần trước.
- Bọ xít hôi: Diện tích nhiễm 55,0 ha, tương đương so với tuần trước.
- Sâu phao: Diện tích nhiễm 39,0 ha, tương đương so với tuần trước.
- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 206,0 ha, tăng 38,0 ha so với tuần trước.
- Chuột: Diện tích nhiễm 98,5 ha, tăng 0,5 ha so với tuần trước.
- Bệnh đạo ôn: Diện tích nhiễm 81,4 ha, tăng 0,4 ha so với tuần trước.
- Bệnh đốm vằn: Diện tích nhiễm 60,0 ha, tương đương so với tuần trước.

c) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây rau vụ Đông xuân 2023 - 2024 mới phát sinh trong tuần qua là 96,7 ha, trong đó diện tích phòng trừ là 57,1 lượt ha chiếm 59,0% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, bọ nhảy, sâu xanh, sâu tơ, rầy xám, ruồi đục trái, dòi đục lá, ốc bươu vàng, bệnh rỉ trắng, bệnh thối nhũn và bệnh vàng lá. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích nhiễm 20,5 ha. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12.
- Rầy xám: Diện tích nhiễm 7,3 ha. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12.
- Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 5,4 ha. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12.
- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 31,1 ha. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.
- Bệnh rỉ trắng: Diện tích nhiễm 7,2 ha. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.
- Bệnh vàng lá: Diện tích nhiễm 4,3 ha, giảm 0,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, thành phố Thủ Đức.

d) Trên cây trồng khác

Cây dừa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dừa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Rầy nâu: Rầy nâu ngoài đồng phổ biến ở giai đoạn tuổi 2 - tuổi 3. Khuyến cáo nông dân thăm đồng thường xuyên, quan sát kỹ phần gốc lúa để phát hiện rầy cám, nếu mật số rầy cao (>3 con/tép) có thể sử dụng một trong những loại thuốc bảo vệ thực vật chống lột xác nằm trong danh mục thuốc được phép sử dụng ở Việt Nam để phun trừ. Các địa phương đã thu hoạch lúa Hè Thu chuẩn bị xuống giống lúa Mùa cần cày vùi, phơi ải, làm đất thật kỹ, chuẩn bị giống tốt để gieo sạ đúng

lịch thời vụ của địa phương nhằm đảm bảo xuống giống an toàn, hạn chế ảnh hưởng của điều kiện thời tiết bất lợi.

- Chú ý bệnh đạo ôn lá, đốm vằn trên trà lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng; bệnh đạo ôn cổ bông giai đoạn trổ - chín; ốc bươu vàng gây hại trên các ruộng lúa mới xuống giống <15 ngày sau sạ; bọ trĩ, sâu phao trên trà lúa giai đoạn mạ - đẻ nhánh; sâu cuốn lá nhỏ trên lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng; chuột giai đoạn lúa đòng - trổ - chín.

- Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gi trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây trồng khác

- Cây khoai mì: Theo dõi bệnh khảm lá virus trên cây khoai mì vụ Hè Thu 2023.

Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sản giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- Cây dừa: Cần lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vuron lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng; tình hình xuống giống lúa vụ Mùa năm 2023 và tình hình sản xuất cây trồng vụ Đông xuân 2023 - 2024.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sản.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành trong Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP. Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục I

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ MÙA NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 1013/BC-CCTTBVTV, ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	77.4			77.4	77.2	0.8		CC,HM
2	Bọ xít hôi	55.0			55.0	55	8		CC
3	Bọ trĩ	1.3			1.3	1.2			HM
4	Sâu phao	39.0			39.0	39	70.2		CC
5	Đạo ôn	81.4			81.4	81	59.6		CC,HM
6	Đốm vằn	60.0			60.0	60	40		CC
7	OBV	206.0			206.0	168	175		CC,HM,BC
8	Chuột	98.5			98.5	98	92		CC,BT
	Tổng	618.6			618.6	579.4	445.6		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU
(Kèm theo Báo cáo số: 1023/BC-CCTTBVTV, ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	5.4			5.4		11.9	3.2	HM,Q12
2	Sâu xanh	5.2			5.2		11.3	2.9	HM,Q12
3	Sâu tơ	5.3			5.3		8.3	3.6	TĐ, HM,Q12
4	Dòi đục lá	0.1			0.1		0.2	0.1	HM
5	Sâu đục trái	-			-		1.7	-	-
6	Sâu ăn tạp	20.5			20.5		40.2	10.8	HM,Q12
7	Bọ trĩ	-			-		0.1	-	-
8	Rầy mềm	-			-		1.6	-	-
9	Rầy xanh	0.4			0.4		0.4	0.2	HM
10	Rầy xám	7.3			7.3		14.6	3.8	HM,Q12
11	Bọ phấn	-			-		0.2	-	-
12	Sâu đục đọt	-			-		1.8	-	-
13	Bọ xít đen	4.0			4.0		1.0	-	TĐ
14	Ruồi đục trái	-			-		4.2	-	-
15	OBV	31.1			31.1		50.7	21.4	TĐ, HM,Q12
16	Ốc sên	0.10			0.10		0.50	0.1	HM,Q12
17	Tnhũn/r.cải	3.7			3.7		5.1	2.1	BC
18	Rỉ trắng/RM	7.2			7.2		11.7	4.9	TĐ, HM, Q12
19	Đốm lá	1.7			1.7		8.4	1.0	HM,Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	0.4			0.4		1.4	0.2	HM
21	Vàng lá	4.3			4.3		1.8	2.8	TĐ, HM
	Tổng	96.7			96.7		177.1	57.1	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT